

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 15-3-2024  
V/v "Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ QUẢNG, TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Long Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Nông Văn Dưỡng
- Bà: Hoàng Lệ Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thiệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Bà Nông Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20-02-2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm Tả C, xã Cần N, huyện Hà Q, tỉnh C; đăng ký tạm trú: Nhà ông Vũ Văn Đ, Thôn làng Bất L, xã Hoàn S, huyện Tiên D, tỉnh Bắc N; nơi ở hiện nay: xóm Khuổi B, xã Dân C, huyện Hòa A, tỉnh C; **có mặt.**

2. **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn M; sinh năm 1986; địa chỉ: xóm T, xã C, huyện Hà Q, tỉnh C; **vắng mặt.**

3. **Người làm chứng:**

- Bà: Hoàng Thị L

- Bà: Hoàng Thị M

Địa chỉ cư trú: xóm Khuổi B, xã D, huyện A, tỉnh C; đều có mặt.

- Bà: Hoàng Thị Đ; địa chỉ cư trú tại: xóm T, xã N, huyện Hà Q, tỉnh C; **vắng mặt.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 16-8-2023 và các ý kiến tiếp theo, nguyên đơn chị Hoàng Thị X trình bày:***

Chị và anh Hoàng Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11-9-2012, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Th (nay là huyện Hà Q), tỉnh C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, nhưng hai năm gần đây hai bên bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, phát sinh nhiều cãi vã, vợ chồng không hợp nhau cả về tư tưởng lẫn cách sống và quan điểm sống. Anh M thường xuyên uống rượu say, nhiều lần chửi rủa, dọa dẫm, xúc phạm không tôn trọng Chị và đuổi Chị ra khỏi nhà. Cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, bế tắc, mặc dù đã được gia đình, anh em họ hàng hai bên khuyên giải nhưng anh M vẫn không hề thay đổi. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2022, đầu năm 2023 anh chị lại cùng nhau đi làm ở Bắc N thì anh M càng gây sự và làm cho tình trạng vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nhiều hơn. Chị và anh M chính thức sống ly thân mỗi người một nơi kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, anh M sống ở Tả C, còn Chị đi làm hoặc sống với bố mẹ đẻ của Chị. Nay, Chị cảm thấy cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, Chị yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn M.

Về con chung: Chị và anh M có một con chung là Hoàng Thị Nhật V (sinh ngày 14-10-2013), hiện tại cháu đang học tập và sinh sống cùng với bố và bà nội tại xóm Tả Cáp. Chị đi làm có thu nhập ổn định, Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26-01-2024, chị X có ý kiến nhất trí cho Bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

***Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18-01-2024, bị đơn anh Hoàng Văn M trình bày Anh không viết Bản tự khai và đề nghị ghi ý kiến:***

Quá trình tiến tới hôn nhân giữa Anh và chị Hoàng Thị X, như nội dung chị X trình bày. Tháng 02/2023, Anh và chị X cùng đi làm công ty, tháng 3/2023 Anh về nhà không đi làm nữa. Còn chị X từ đó cũng không về nhà chung sống với Anh, không quan tâm, chăm sóc Chồng và gia đình chồng. Anh đã có nhiều biện pháp thuyết phục như: Gọi điện cho chị X bảo Chị về nhà, nhưng Chị đều không nghe điện thoại; Anh nhờ Mẹ vợ (bà L) gọi điện giải thích cho chị X quay về nhưng Chị cũng không chấp thuận. Khi chị Xuân làm đơn vào Tòa án, Hòa giải viên cũng đã hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng chị X vẫn kiên quyết ly hôn. Anh đã đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không được, nay Anh cũng không còn biện pháp nào nữa, vợ chồng đã sống ly

thân từ tháng 3/2023 đến nay. Anh không nhất trí ly hôn với chị X, yêu cầu Chị phải quay về với Anh chung sống, vì Anh không làm gì sai phạm, chị X tự bỏ nhà đi. Anh không được đánh chửi chị X như Chị trình bày, Anh vẫn còn tình cảm và vẫn còn thương Chị. Anh mong muốn chị X quay trở về làm ăn, còn phía Chị thích quay về làm ăn với Anh thì về, còn nếu Chị không về thì thôi.

Về con chung, vợ chồng Anh có một con chung như chị X trình bày, Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu Nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con, Anh có đủ điều kiện kinh tế như: có ruộng đất, nhà cửa, thu nhập từ trồng trọt để đảm bảo việc nuôi con.

\* Về tài sản chung: Nguyên đơn và Bị đơn đều thống nhất ý kiến, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia trong các giai đoạn tố tụng và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn không đến và có ý kiến là bản thân không làm gì sai, từ giờ trở đi Tòa án có triệu tập tham gia hòa giải, phiên tòa thì Bị đơn đều không đến và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bị đơn. Tuy nhiên, Bị đơn không viết Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, mà yêu cầu Tòa án ghi nội dung này vào Biên bản lấy lời khai của Bị đơn.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, việc Bị đơn nói với bà L cho rằng Chị ngoại tình là vô cơ ghen tuông, Chị không hề có việc đó. Chị có thay đổi yêu cầu so với phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì nguyện vọng của Con là ở với Mẹ. Ngoài ra, Chị ở bên bố mẹ để đều đảm bảo có chỗ ăn ở, sinh hoạt cho mẹ con Chị và gần trường học. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, từ giai đoạn thụ lý, giai đoạn chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48, Điều 97, 198 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự quy định tại các điều 51, 239, 243, 248, 249 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên tòa, phiên họp, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là thực hiện không đúng một số quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn, quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Người làm chứng bà Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị M thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của người làm chứng; Người làm chứng bà Hoàng Thị Đ thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của người làm chứng, quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về giải quyết nội dung vụ án: Giữa các đương sự đã sống ly thân thời gian khá lâu, chị X không còn tình cảm vợ chồng. Bị đơn không đồng ý ly hôn, nhưng khi Tòa án triệu tập để tiến hành hòa giải anh M đều không đến, điều đó cho thấy Bị đơn không có thiện chí và ý định để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Qua đó thấy rằng, hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị X, anh M đều vi phạm nghĩa vụ vợ chồng được quy định tại các khoản 1, 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Như vậy, nguyên đơn đề nghị ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về việc nuôi dưỡng con chung, cần xem xét đến nguyện vọng của cháu Hoàng Thị Nhật V mong muốn được ở với mẹ, mới đảm bảo cho sự phát triển tâm, sinh lý và phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của Con.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 147, 203, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cho các đương sự ly hôn; Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Nhật V cho Nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con; Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Các bản sao Căn cước công dân, Giấy chứng nhận kết hôn giữa hai đương sự, Giấy khai sinh con chung; Xác nhận thông tin cư trú; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện; Đơn xin xác nhận lương; Xác nhận mâu thuẫn vợ chồng, Giấy làm chứng của người làm chứng; Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên; Biên bản lấy lời khai của người làm chứng; Biên bản lấy lời khai của Bị đơn; Bản tự khai của Nguyên đơn; các quyết định về tố tụng, Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; các biên bản tổng đạt văn bản...

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các bên đương sự đã thống nhất: Sự kiện pháp lý giữa hai đương sự là có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cần N, huyện Hà Q, tỉnh C; các đương sự đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay, thời gian ly thân hai vợ chồng đã không còn yêu thương, chăm sóc lẫn

nhau; các đương sự có một con chung là Hoàng Thị Nhật V, sinh ngày 14-10-2013. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án.

Những tình tiết các bên đương sự không thống nhất: Nguyên đơn cho rằng trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, thường bất đồng quan điểm sống, Bị đơn thường xuyên uống rượu say rồi có những lời lẽ chửi rủa, xúc phạm và đuổi Nguyên đơn ra khỏi nhà. Tuy nhiên, về phía Bị đơn không thừa nhận và cho rằng giữa hai vợ chồng không hề có mâu thuẫn, Bị đơn không được đánh đập, chửi rủa và đuổi Nguyên đơn ra khỏi nhà.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn anh Hoàng Văn M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Đồng thời, trong Biên bản lấy lời khai Bị đơn trình bày là sẽ không bao giờ đến Tòa án, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Như vậy, đã thể hiện được ý chí của Bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bị đơn. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Ngày 16-8-2023, nguyên đơn chị Hoàng Thị X làm Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con. Do vậy, cần áp dụng Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014 đang có hiệu lực để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Chị Hoàng Thị X và anh Hoàng Văn M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Đây là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình thu thập lời khai của những người làm chứng cũng như ý kiến của người làm chứng tại phiên tòa thể hiện: Bà Hoàng Thị L xác nhận, Bà biết chị X và anh M thường xuyên cãi cọ, nguyên do từ việc anh M (con rể Bà) thường xuyên uống rượu say và hay chửi bới vợ con, một tuần chửi nhau mấy lần. Thậm chí hai năm trước, vợ chồng cùng nhau đi làm công ty thì anh M cũng hay chửi bới, dọa dẫm chị X ở chỗ trọ của hai vợ chồng, vứt chần mản ra ngoài...Anh M

còn gọi điện cho Bà và chửi X ngoại tình, đe dọa sẽ giết X và mang thịt của X xuống cho Bà...Bà và gia đình, họ hàng cũng đã được giải thích chị X quay về đoàn tụ với chồng, khuyên bảo anh M không rượu chè bê tha nữa, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, anh M không thay đổi tính nết, còn chị X vẫn nhất quyết không quay lại với chồng và đã sống ly thân với anh M đến nay. Bên cạnh đó, người làm chứng chị Hoàng Thị M cũng xác nhận Chị có biết vợ chồng X có mâu thuẫn như bà L đã trình bày, bởi vì X bỏ về bên ngoại ở và ly thân với Chồng đã lâu, X hay kể về mâu thuẫn vợ chồng với Chị.

Như vậy, trên cơ sở lời khai của các đương sự, người làm chứng đã xác định được cuộc sống chung của chị X và anh M đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, như hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cãi vã, chửi bới lẫn nhau. Anh M từ việc uống rượu say, ghen tuông vợ vô cớ và chửi bới, dọa dẫm Vợ. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023, từ thời điểm đó đến nay hai người không còn sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù Bị đơn cho rằng, vợ chồng không có gì mâu thuẫn, song anh M không đưa ra được căn cứ gì để chứng minh. Bên cạnh đó, anh M cũng thừa nhận, thời gian ly thân Anh có gọi điện thoại cho chị X, nhưng Chị đều không nghe máy; Anh cũng đã nhờ bà Hoàng Thị L (Mẹ đẻ chị X) khuyên giải Chị quay về đoàn tụ nhưng đều không được và nay Anh cũng không còn biện pháp gì để khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Lời thừa nhận này của Bị đơn cũng trùng hợp với lời xác nhận của bà Hoàng Thị L về việc anh M có nhờ Mẹ vợ tác động, khuyên giải để chị X quay về. Bên cạnh đó, người làm chứng bà Hoàng Thị Đ (Mẹ đẻ anh M) cũng xác nhận từ tháng 3/2023 đến nay, chị X không về sống với chồng nữa, không liên lạc hỏi thăm, quan tâm chồng và gia đình, thỉnh thoảng có lần Chị đến chỉ để thăm cháu V. Như vậy, trên cơ sở lời khai của các đương sự, lời khai của những người làm chứng thì có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng anh chị đã từng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm là có thật. Bởi lẽ, chính Bị đơn đã từng có giải pháp nhờ bà L khuyên giải chị X quay về đoàn tụ với Anh. Bên cạnh đó, việc anh chị thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân với khoảng thời gian nêu trên cũng đã thể hiện tình cảm vợ chồng đã bị sút mẻ trầm trọng. Ngoài ra, các đương sự cũng đã được Hòa giải viên của Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng tình cảm giữa hai đương sự vẫn không thể hàn gắn. Trong giai đoạn tố tụng chuẩn bị xét xử, Tòa án đã triệu tập họp lệ để các đương sự hòa giải các vấn đề có tranh chấp, trong đó có nội dung hòa giải về mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, nhưng Bị đơn đã từ chối và không thực hiện quyền, nghĩa vụ của Bị đơn. Từ những chứng cứ nêu trên, đủ cơ sở để kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh M mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn.

[4] Về con chung:

Con chung của anh chị là cháu Hoàng Thị Nhật V (sinh ngày 14-10-2013), hiện tại cháu đang học tập và sinh sống cùng với Bị đơn. Các đương sự đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đều không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, Tòa xét thấy nguyện vọng của cháu V mong muốn được sống với Mẹ (Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 05-12-2023). Mặt khác, ý kiến của chị X và những người làm chứng đều xác nhận chị X có lương thu nhập ổn định, chăm sóc tốt cho con cái; chị X sống ở bên ngoài cũng gần trường học, có đủ điều kiện đảm bảo chỗ ăn ở, sinh hoạt cho chị X và Con. Vì vậy, Tòa xét thấy, để bảo đảm cho sự phát triển tâm, sinh lý và quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cháu V cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp.

[5] Chị X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn tự nguyện, do đó Tòa ghi nhận.

[6] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, phù hợp với quy định của pháp luật, Tòa ghi nhận.

[7] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân về tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án như trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó Tòa chấp nhận.

[8] Về án phí:

**Nguyên đơn** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các điều 147, 203, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,



Tuyên xử:

### 1. Về quan hệ hôn nhân

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị X. Chị Hoàng Thị X được ly hôn với bị đơn anh Hoàng Văn M.

### 2. Về con chung

2.1. Chị Hoàng Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị Nhật V (sinh ngày 14-10-2013) cho đến khi Con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có yêu cầu thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Xác nhận, hiện tại cháu Hoàng Thị Nhật V đang sinh sống với bị đơn anh Hoàng Văn M.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chị Hoàng Thị X, về việc không yêu cầu bị đơn anh Hoàng Văn M cấp dưỡng nuôi con chung.

### 3. Về tài sản

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### 4. Về án phí

Buộc nguyên đơn chị Hoàng Thị X phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tại biên lai số 0001854 ngày 10-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng. Chị X không phải nộp thêm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

### 5. Về quyền kháng cáo



Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND xã Cần N (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- VKSND huyện Hà Quảng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Long Thị Thanh**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Văn Dưỡng**

**Hoàng Lệ Dung**

**Long Thị Thanh**